



CTY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

CADIVI

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1, TP.HCM.

Tel:38292971-38299443 FAX:38299437.

Website:www.cadivi-vn.com

Email:cadivi@cadivi.com.vn

BẢNG 8

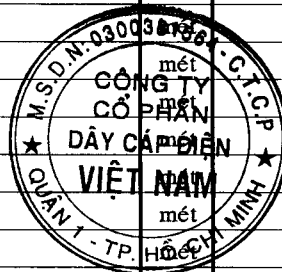
GIÁ BÁN SẢN PHẨM

Áp dụng từ ngày 03-09-2013

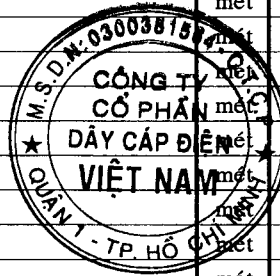
DÙNG CHO KHU VỰC

MIỀN NAM VÀ MIỀN TRUNG

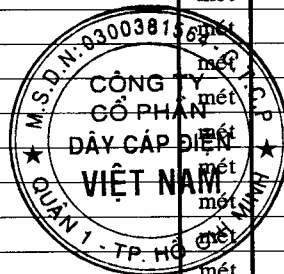
MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (đồng)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
(A)	(B)	(C)	(3)	(4)
<b>10601</b>	<b>Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV - TCVN 5935 ( 1lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)</b>			
1060101	CXV-1 (1x7/0.425) -0,6/1kV	mét	4,340	4,774
1060102	CXV-1.5 (1x7/0.52) -0,6/1kV	mét	5,650	6,215
1060103	CXV-2 (1x7/0.6) -0,6/1kV	mét	6,950	7,645
1060104	CXV-2.5 (1x7/0.67) -0,6/1kV	mét	8,200	9,020
1060105	CXV-3.5 (1x7/0.8) -0,6/1kV	mét	11,250	12,375
1060106	CXV-4 (1x7/0.85) -0,6/1kV	mét	12,400	13,640
1060107	CXV-5.5 (1x7/1) -0,6/1kV	mét	16,270	17,897
1060108	CXV-6 (1x7/1.04) -0,6/1kV	mét	17,380	19,118
1060109	CXV-8 (1x7/1.2) -0,6/1kV	mét	22,300	24,530
1060110	CXV-10 (1x7/1.35) -0,6/1kV	mét	27,500	30,250
1060111	CXV-11 (1x7/1.4) -0,6/1kV	mét	29,300	32,230
1060112	CXV-14 (1x7/1.6) -0,6/1kV	mét	37,500	41,250
1060113	CXV-16 (1x7/1.7) -0,6/1kV	mét	41,900	46,090
1060114	CXV-22 (1x7/2) -0,6/1kV	mét	57,000	62,700
1060115	CXV-25 (1x7/2.14) -0,6/1kV	mét	64,900	71,390
1060116	CXV-30 (1x7/2.3) -0,6/1kV	mét	74,400	81,840
1060117	CXV-35 (1x7/2.52) -0,6/1kV	mét	88,400	97,240
1060118	CXV-38 (1x7/2.6) -0,6/1kV	mét	93,900	103,290
1060119	CXV-50 (1x19/1.8) -0,6/1kV	mét	122,300	134,530
1060120	CXV-60 (1x19/2) -0,6/1kV	mét	149,500	164,450
1060121	CXV-70 (1x19/2.14) -0,6/1kV	mét	170,800	187,880
1060141	CXV-75 (1x19/2.25) -0,6/1kV	mét	187,900	206,690
1060122	CXV-80 (1x19/2.3) -0,6/1kV	mét	196,500	216,150
1060123	CXV-95 (1x19/2.52) -0,6/1kV	mét	235,100	258,610
1060124	CXV-100 (1x19/2.6) -0,6/1kV	mét	249,900	274,890
1060139	CXV-120 (1x37/2.03) -0,6/1kV	mét	297,700	327,470
1060126	CXV-125 (1x19/2.9) -0,6/1kV	mét	308,600	339,460
1060127	CXV-150 (1x37/2.3) -0,6/1kV	mét	380,900	418,990
1060128	CXV-185 (1x37/2.52) -0,6/1kV	mét	456,500	502,150
1060129	CXV-200 (1x37/2.6) -0,6/1kV	mét	485,700	534,270
1060130	CXV-240 (1x61/2.25) -0,6/1kV	mét	598,700	658,570
1060131	CXV-250 (1x61/2.3) -0,6/1kV	mét	624,900	687,390
1060132	CXV-300 (1x61/2.52) -0,6/1kV	mét	749,600	824,560
1060133	CXV-325 (1x61/2.6) -0,6/1kV	mét	796,600	876,260



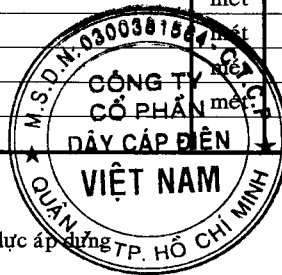
1060134	CXV-400 (1x61/2.9) -0,6/1kV	mét	988,300	1,087,130
1060135	CXV-500 (1x61/3.2) -0,6/1kV	mét	1,199,900	1,319,890
1060136	CXV-630 (1x61/3.61) -0,6/1kV	mét	1,520,600	1,672,660
1060137	CXV-800 (1x61/4.1) -0,6/1kV	mét	1,956,800	2,152,480
<b>10602</b>	<b>Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV - TCVN 5935 ( 2 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)</b>			
1060201	CXV-2x1 (2x7/0.425) -0,6/1kV	mét	10,950	12,045
1060202	CXV-2x1.5 (2x7/0.52) -0,6/1kV	mét	13,790	15,169
1060203	CXV-2x2 (2x7/0.6) -0,6/1kV	mét	16,610	18,271
1060204	CXV-2x2.5 (2x7/0.67) -0,6/1kV	mét	19,330	21,263
1060205	CXV-2x3.5 (2x7/0.8) -0,6/1kV	mét	26,200	28,820
1060206	CXV-2x4 (2x7/0.85) -0,6/1kV	mét	28,700	31,570
1060207	CXV-2x5.5 (2x7/1) -0,6/1kV	mét	37,000	40,700
1060208	CXV-2x6 (2x7/1.04) -0,6/1kV	mét	39,400	43,340
1060209	CXV-2x8 (2x7/1.2) -0,6/1kV	mét	50,000	55,000
1060210	CXV-2x10 (2x7/1.35) -0,6/1kV	mét	60,900	66,990
1060211	CXV-2x11 (2x7/1.4) -0,6/1kV	mét	64,800	71,280
1060212	CXV-2x14 (2x7/1.6) -0,6/1kV	mét	82,000	90,200
1060213	CXV-2x16 (2x7/1.7) -0,6/1kV	mét	93,200	102,520
1060214	CXV-2x22 (2x7/2) -0,6/1kV	mét	124,000	136,400
1060215	CXV-2x25 (2x7/2.14) -0,6/1kV	mét	139,500	153,450
1060216	CXV-2x30 (2x7/2.3) -0,6/1kV	mét	159,000	174,900
1060217	CXV-2x35 (2x7/2.52) -0,6/1kV	mét	187,400	206,140
1060218	CXV-2x38 (2x7/2.6) -0,6/1kV	mét	198,500	218,350
1060219	CXV-2x50 (2x19/1.8) -0,6/1kV	mét	256,400	282,040
1060220	CXV-2x60 (2x19/2) -0,6/1kV	mét	312,500	343,750
1060221	CXV-2x70 (2x19/2.14) -0,6/1kV	mét	355,600	391,160
1060222	CXV-2x80 (2x19/2.3) -0,6/1kV	mét	408,400	449,240
1060223	CXV-2x95 (2x19/2.52) -0,6/1kV	mét	487,600	536,360
1060224	CXV-2x100 (2x19/2.6) -0,6/1kV	mét	517,400	569,140
1060235	CXV-2x120 (2x37/2.03) -0,6/1kV	mét	617,300	679,030
1060226	CXV-2x125 (2x19/2.9) -0,6/1kV	mét	639,200	703,120
1060227	CXV-2x150 (2x37/2.3) -0,6/1kV	mét	788,600	867,460
1060228	CXV-2x185 (2x37/2.52) -0,6/1kV	mét	943,900	1,038,290
1060229	CXV-2x200 (2x37/2.6) -0,6/1kV	mét	1,004,900	1,105,390
1060230	CXV-2x240 (2x61/2.25) -0,6/1kV	mét	1,235,900	1,359,490
1060231	CXV-2x250 (2x61/2.3) -0,6/1kV	mét	1,290,700	1,419,770
1060232	CXV-2x300 (2x61/2.52) -0,6/1kV	mét	1,547,100	1,701,810
1060233	CXV-2x325 (2x61/2.6) -0,6/1kV	mét	1,645,000	1,809,500
1060234	CXV-2x400 (2x61/2.9) -0,6/1kV	mét	2,040,300	2,244,330
<b>10603</b>	<b>Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV - TCVN 5935 ( 3 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)</b>			
1060301	CXV-3x1 (3x7/0.425) -0,6/1kV	mét	13,760	15,136
1060302	CXV-3x1.5 (3x7/0.52) -0,6/1kV	mét	17,810	19,591
1060303	CXV-3x2 (3x7/0.6) -0,6/1kV	mét	21,800	23,980
1060304	CXV-3x2.5 (3x7/0.67) -0,6/1kV	mét	25,700	28,270
1060305	CXV-3x3.5 (3x7/0.8) -0,6/1kV	mét	35,300	38,830
1060306	CXV-3x4 (3x7/0.85) -0,6/1kV	mét	38,700	42,570
1060307	CXV-3x5.5 (3x7/1) -0,6/1kV	mét	50,600	55,660
1060308	CXV-3x6 (3x7/1.04) -0,6/1kV	mét	54,000	59,400
1060309	CXV-3x8 (3x7/1.2) -0,6/1kV	mét	69,300	76,230
1060310	CXV-3x10 (3x7/1.35) -0,6/1kV	mét	85,200	93,720
1060311	CXV-3x11 (3x7/1.4) -0,6/1kV	mét	90,900	99,990
1060312	CXV-3x14 (3x7/1.6) -0,6/1kV	mét	115,700	127,270



1060313	CXV-3x16 (3x7/1.7) -0,6/1kV	mét	131,600	144,760
1060314	CXV-3x22 (3x7/2) -0,6/1kV	mét	177,400	195,140
1060315	CXV-3x25 (3x7/2.14) -0,6/1kV	mét	200,700	220,770
1060316	CXV-3x30 (3x7/2.3) -0,6/1kV	mét	229,300	252,230
1060317	CXV-3x35 (3x7/2.52) -0,6/1kV	mét	271,600	298,760
1060318	CXV-3x38 (3x7/2.6) -0,6/1kV	mét	287,900	316,690
1060319	CXV-3x50 (3x19/1.8) -0,6/1kV	mét	374,300	411,730
1060320	CXV-3x60 (3x19/2) -0,6/1kV	mét	457,200	502,920
1060321	CXV-3x70 (3x19/2.14) -0,6/1kV	mét	520,100	572,110
1060322	CXV-3x80 (3x19/2.3) -0,6/1kV	mét	599,000	658,900
1060323	CXV-3x95 (3x19/2.52) -0,6/1kV	mét	717,800	789,580
1060324	CXV-3x100 (3x19/2.6) -0,6/1kV	mét	762,000	838,200
1060335	CXV-3x120 (3x37/2.03) -0,6/1kV	mét	907,100	997,810
1060326	CXV-3x125 (3x19/2.9) -0,6/1kV	mét	939,800	1,033,780
1060327	CXV-3x150 (3x37/2.3) -0,6/1kV	mét	1,160,700	1,276,770
1060328	CXV-3x185 (3x37/2.52) -0,6/1kV	mét	1,390,200	1,529,220
1060329	CXV-3x200 (3x37/2.6) -0,6/1kV	mét	1,481,700	1,629,870
1060330	CXV-3x240 (3x61/2.25) -0,6/1kV	mét	1,824,500	2,006,950
1060331	CXV-3x250 (3x61/2.3) -0,6/1kV	mét	1,903,700	2,094,070
1060332	CXV-3x300 (3x61/2.52) -0,6/1kV	mét	2,282,000	2,510,200
1060333	CXV-3x325 (3x61/2.6) -0,6/1kV	mét	2,427,300	2,670,030
1060334	CXV-3x400 (3x61/2.9) -0,6/1kV	mét	3,010,600	3,311,660
<b>10604</b>	<b>Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV - TCVN 5935 ( 4 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)</b>			
1060401	CXV-4x1 (4x7/0.425) -0,6/1kV	mét	17,200	18,920
1060402	CXV-4x1.5 (4x7/0.52) -0,6/1kV	mét	22,500	24,750
1060403	CXV-4x2 (4x7/0.6) -0,6/1kV	mét	27,800	30,580
1060404	CXV-4x2.5 (4x7/0.67) -0,6/1kV	mét	32,900	36,190
1060405	CXV-4x3.5 (4x7/0.8) -0,6/1kV	mét	45,500	50,050
1060406	CXV-4x4 (4x7/0.85) -0,6/1kV	mét	50,200	55,220
1060408	CXV-4x6 (4x7/1.04) -0,6/1kV	mét	70,700	77,770
1060409	CXV-4x8 (4x7/1.2) -0,6/1kV	mét	90,900	99,990
1060410	CXV-4x10 (4x7/1.35) -0,6/1kV	mét	111,900	123,090
1060411	CXV-4x11 (4x7/1.4) -0,6/1kV	mét	119,500	131,450
1060412	CXV-4x14 (4x7/1.6) -0,6/1kV	mét	152,600	167,860
1060413	CXV-4x16 (4x7/1.7) -0,6/1kV	mét	171,600	188,760
1060414	CXV-4x22 (4x7/2) -0,6/1kV	mét	232,800	256,080
1060415	CXV-4x25 (4x7/2.14) -0,6/1kV	mét	264,000	290,400
1060416	CXV-4x30 (4x7/2.3) -0,6/1kV	mét	301,800	331,980
1060417	CXV-4x35 (4x7/2.52) -0,6/1kV	mét	359,000	394,900
1060418	CXV-4x38 (4x7/2.6) -0,6/1kV	mét	380,800	418,880
1060419	CXV-4x50 (4x19/1.8) -0,6/1kV	mét	496,000	545,600
1060420	CXV-4x60 (4x19/2) -0,6/1kV	mét	606,500	667,150
1060421	CXV-4x70 (4x19/2.14) -0,6/1kV	mét	691,500	760,650
1060422	CXV-4x80 (4x19/2.3) -0,6/1kV	mét	795,600	875,160
1060423	CXV-4x95 (4x19/2.52) -0,6/1kV	mét	952,900	1,048,190
1060424	CXV-4x100 (4x19/2.6) -0,6/1kV	mét	1,013,000	1,114,300
1060436	CXV-4x120 (4x37/2.03) -0,6/1kV	mét	1,206,900	1,327,590
1060426	CXV-4x125 (4x19/2.9) -0,6/1kV	mét	1,252,000	1,377,200
1060427	CXV-4x150 (4x37/2.3) -0,6/1kV	mét	1,546,000	1,700,600
1060428	CXV-4x185 (4x37/2.52) -0,6/1kV	mét	1,851,200	2,036,320
1060429	CXV-4x200 (4x37/2.6) -0,6/1kV	mét	1,970,600	2,167,660
1060430	CXV-4x240 (4x61/2.25) -0,6/1kV	mét	2,430,900	2,673,990



1060431	CXV-4x250 (4x61/2.3) -0,6/1kV	mét	2,537,600	2,791,360
1060432	CXV-4x300 (4x61/2.52) -0,6/1kV	mét	3,042,100	3,346,310
1060433	CXV-4x325 (4x61/2.6) -0,6/1kV	mét	3,234,500	3,557,950
1060434	CXV-4x400 (4x61/2.9) -0,6/1kV	mét	4,014,500	4,415,950



- Thuế giá trị gia tăng 10%

-Tất cả thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng



CTY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

CADIVI

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1, TP.HCM.

Tel:38292971-38299443 FAX:38299437.

Website:www.cadivi-vn.com

Email:cadivi@cadivi.com.vn

BẢNG 9

GIÁ BÁN SẢN PHẨM

Áp dụng từ ngày 03-09-2013

DÙNG CHO KHU VỰC

MIỀN NAM VÀ MIỀN TRUNG

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (đồng)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
(A)	(B)	(C)	(3)	(4)
<b>10605</b>	<b>Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV - TCVN 5935 ( 3 lõi pha +1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)</b>			
1060501	CXV-3x4+1x2.5 (3x7/0.85+1x7/0.67) -0,6/1kV	mét	46,000	50,600
1060502	CXV-3x6+1x4 (3x7/1.04+1x7/0.85) -0,6/1kV	mét	65,600	72,160
1060503	CXV-3x8+1x6 (3x7/1.2+1x7/1.04) -0,6/1kV	mét	86,000	94,600
1060504	CXV-3x10+1x6 (3x7/1.35+1x7/1.04) -0,6/1kV	mét	101,600	111,760
1060505	CXV-3x11+1x6 (3x7/1.4+1x7/1.04) -0,6/1kV	mét	107,400	118,140
1060506	CXV-3x14+1x8 (3x7/1.6+1x7/1.2) -0,6/1kV	mét	137,100	150,810
1060507	CXV-3x16+1x8 (3x7/1.7+1x7/1.2) -0,6/1kV	mét	151,900	167,090
1060508	CXV-3x16+1x10 (3x7/1.7+1x7/1.35) -0,6/1kV	mét	157,200	172,920
1060509	CXV-3x22+1x11 (3x7/2+1x7/1.4) -0,6/1kV	mét	204,800	225,280
1060510	CXV-3x22+1x16 (3x7/2+1x7/1.7) -0,6/1kV	mét	217,400	239,140
1060511	CXV-3x25+1x14 (3x7/2.14+1x7/1.6) -0,6/1kV	mét	236,300	259,930
1060512	CXV-3x25+1x16 (3x7/2.14+1x7/1.7) -0,6/1kV	mét	240,800	264,880
1060513	CXV-3x30+1x16 (3x7/2.3+1x7/1.7) -0,6/1kV	mét	269,200	296,120
1060514	CXV-3x35+1x22 (3x7/2.52+1x7/2) -0,6/1kV	mét	326,900	359,590
1060515	CXV-3x38+1x22 (3x7/2.6+1x7/2) -0,6/1kV	mét	343,200	377,520
1060516	CXV-3x50+1x25 (3x19/1.8+1x7/2.14) -0,6/1kV	mét	438,100	481,910
1060517	CXV-3x50+1x35 (3x19/1.8+1x7/2.52) -0,6/1kV	mét	462,500	508,750
1060518	CXV-3x60+1x30 (3x19/2+1x7/2.3) -0,6/1kV	mét	530,600	583,660
1060519	CXV-3x60+1x35 (3x19/2+1x7/2.52) -0,6/1kV	mét	544,800	599,280
1060520	CXV-3x70+1x35 (3x19/2.14+1x7/2.52) -0,6/1kV	mét	608,700	669,570
1060521	CXV-3x70+1x50 (3x19/2.14+1x19/1.8) -0,6/1kV	mét	642,200	706,420
1060522	CXV-3x80+1x50 (3x19/2.3+1x19/1.8) -0,6/1kV	mét	721,100	793,210
1060523	CXV-3x95+1x50 (3x19/2.52+1x19/1.8) -0,6/1kV	mét	839,700	923,670
1060524	CXV-3x95+1x70 (3x19/2.52+1x19/2.14) -0,6/1kV	mét	888,200	977,020
1060525	CXV-3x100+1x50 (3x19/2.6+1x19/1.8) -0,6/1kV	mét	883,900	972,290
1060526	CXV-3x100+1x60 (3x19/2.6+1x19/2) -0,6/1kV	mét	911,500	1,002,650
1060566	CXV-3x120+1x60 (3x37/2,03+1x19/2) -0,6/1kV	mét	1,057,300	1,163,030
1060567	CXV-3x120+1x70 (3x37/2,03+1x19/2.14) -0,6/1kV	mét	1,078,200	1,186,020
1060568	CXV-3x120+1x95 (3x37/2,03+1x19/2.52) -0,6/1kV	mét	1,144,700	1,259,170
1060530	CXV-3x125+1x60 (3x19/2.9+1x19/2) -0,6/1kV	mét	1,090,400	1,199,440
1060531	CXV-3x125+1x70 (3x19/2.9+1x19/2.14) -0,6/1kV	mét	1,112,000	1,223,200
1060532	CXV-3x125+1x95 (3x19/2.9+1x19/2.52) -0,6/1kV	mét	1,177,800	1,295,580
1060533	CXV-3x150+1x70 (3x37/2.3+1x19/2.14) -0,6/1kV	mét	1,333,900	1,467,290
1060534	CXV-3x150+1x95 (3x37/2.3+1x19/2.52) -0,6/1kV	mét	1,398,900	1,538,790
1060535	CXV-3x185+1x95 (3x37/2.52+1x19/2.52) -0,6/1kV	mét	1,628,000	1,790,800

1060569	CXV-3x185+1x120 (3x37/2.52+1x37/2.03) -0,6/1kV	mét	1,691,700	1,860,870
1060537	CXV-3x200+1x100 (3x37/2.6+1x19/2.6) -0,6/1kV	mét	1,732,500	1,905,750
1060565	CXV-3x200+1x120 (3x37/2.6+1x37/2.03) -0,6/1kV	mét	1,780,100	1,958,110
1060539	CXV-3x200+1x125 (3x37/2.6+1x19/2.9) -0,6/1kV	mét	1,792,000	1,971,200
1060570	CXV-3x240+1x120 (3x61/2.25+1x37/2.03) -0,6/1kV	mét	2,125,200	2,337,720
1060541	CXV-3x240+1x125 (3x61/2.25+1x19/2.9) -0,6/1kV	mét	2,138,600	2,352,460
1060542	CXV-3x240+1x150 (3x61/2.25+1x37/2.3) -0,6/1kV	mét	2,210,500	2,431,550
1060543	CXV-3x240+1x185 (3x61/2.25+1x37/2.52) -0,6/1kV	mét	2,286,500	2,515,150
1060571	CXV-3x250+1x120 (3x61/2.3+1x37/2.03) -0,6/1kV	mét	2,206,000	2,426,600
1060545	CXV-3x250+1x125 (3x61/2.3+1x19/2.9) -0,6/1kV	mét	2,217,800	2,439,580
1060546	CXV-3x250+1x185 (3x61/2.3+1x37/2.52) -0,6/1kV	mét	2,367,300	2,604,030
1060547	CXV-3x300+1x150 (3x61/2.52+1x37/2.3) -0,6/1kV	mét	2,670,200	2,937,220
1060548	CXV-3x300+1x185 (3x61/2.52+1x37/2.52) -0,6/1kV	mét	2,746,400	3,021,040
1060549	CXV-3x325+1x150 (3x61/2.6+1x37/2.3) -0,6/1kV	mét	2,813,300	3,094,630
1060550	CXV-3x325+1x185 (3x61/2.6+1x37/2.52) -0,6/1kV	mét	2,891,100	3,180,210
1060552	CXV-3x400+1x185 (3x61/2.9+1x37/2.52) -0,6/1kV	mét	3,475,500	3,823,050
1060553	CXV-3x400+1x200 (3x61/2.9+1x37/2.6) -0,6/1kV	mét	3,505,100	3,855,610
1060554	CXV-3x400+1x240 (3x61/2.9+1x61/2.25) -0,6/1kV	mét	3,618,600	3,980,460

- Thuế giá trị gia tăng 10%

-Tất cả thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng